

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>255,758,172,660</b>	<b>467,812,322,532</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>16,727,076,437</b>	<b>35,233,178,837</b>
1. Tiền	111		16,727,076,437	32,908,079,253
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2,325,099,584
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	0	<b>20,100,000,000</b>	<b>80,750,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	20,100,000,000	80,750,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>102,416,950,017</b>	<b>127,244,739,385</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2,562,147,386	57,661,660,156
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	91,677,160,165	52,379,681,180
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.1	-	3,060,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7.1	8,177,642,466	14,143,398,049
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.10	-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>89,455,996,136</b>	<b>211,142,698,207</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.9	89,455,996,136	211,142,698,207
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27,058,150,070</b>	<b>13,441,706,103</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	53,544,590	93,803,938
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27,004,605,480	13,347,902,165
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>375,150,963,249</b>	<b>157,858,280,327</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>38,102,221,091</b>	<b>6,000,000,000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.2	-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.7.2	38,140,000,000	6,000,000,000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(37,778,909)	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>279,962,242,141</b>	<b>34,487,904,395</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	279,962,242,141	34,487,904,395
- Nguyên giá	222		296,869,300,980	47,974,299,229
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16,907,058,839)	(13,486,394,834)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16,314,193,504</b>	<b>84,813,399,385</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	16,314,193,504	84,813,399,385
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>40,723,243,217</b>	<b>31,627,730,470</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		33,933,243,217	18,212,730,470
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	6,625,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6,790,000,000	6,790,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>49,063,296</b>	<b>929,246,077</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	49,063,296	890,314,815
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	38,931,262
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>630,909,135,909</b>	<b>625,670,602,859</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>283,099,046,558</b>	<b>446,862,731,366</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>133,884,821,355</b>	<b>386,886,823,638</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	13,838,680,735	268,425,006,027
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	24,500,969,233	73,804,942,774
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1,269,789,985	3,088,857,331
4. Phải trả người lao động	314		90,819,300	54,644,137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	5,410,958	159,558,255
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2,333,130,443	392,190,034
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	91,846,020,701	40,961,625,080
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>149,214,225,203</b>	<b>59,975,907,728</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	113,769,417
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	149,214,225,203	59,862,138,311
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>347,810,089,351</b>	<b>178,807,871,493</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>347,810,089,351</b>	<b>178,807,871,493</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	300,000,000,000	150,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300,000,000,000	150,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10,645,604,925	10,645,604,925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35,003,327,209	17,008,792,623
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		11,303,209,076	12,108,385,020
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23,700,118,133	4,900,407,603
4. Lợi ích cổ đông không kiểm	429		2,161,157,217	1,153,473,945
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>630,909,135,909</b>	<b>625,670,602,859</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Người lập



VŨ THỊ THUÝ

Kế toán trưởng



Đương Thị Huyền

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Quý IV Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý 4 năm 2021	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021	Quý 4 năm 2020	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	47,052,573,266	365,249,071,777	348,957,686,902	595,815,708,832
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.22</b>	<b>47,052,573,266</b>	<b>365,249,071,777</b>	<b>348,957,686,902</b>	<b>595,815,708,832</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	39,824,935,437	340,688,697,615	339,796,910,477	576,180,316,673
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>7,227,637,829</b>	<b>24,560,374,162</b>	<b>9,160,776,425</b>	<b>19,635,392,159</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	278,530,428	3,510,296,334	11,310,702	989,084,459
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	2,228,958,812	8,558,141,164	640,755,405	6,003,556,990
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,207,223,963	8,532,419,795	558,904,480	3,005,150,889
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	15,860,856	65,890,548
9. Chi phí bán hàng	25	VI.26	349,529,400	1,443,649,697	2,299,304,583	2,655,898,809
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.26	1,174,683,504	4,152,485,306	2,047,955,480	2,986,995,084
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3,752,996,541</b>	<b>13,916,394,329</b>	<b>4,199,932,515</b>	<b>9,043,916,283</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.28	363,000	363,999,512	158,844,058	254,921,905
13. Chi phí khác	32	VI.28	9,823	75,176,448	10,545,804	171,714,872
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>353,177</b>	<b>288,823,064</b>	<b>148,298,254</b>	<b>83,207,033</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3,753,349,718</b>	<b>14,205,217,393</b>	<b>4,348,230,769</b>	<b>9,127,123,316</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	200,604,810	812,252,485	869,646,154	1,825,424,663
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.27	-	-	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3,552,744,908</b>	<b>13,392,964,908</b>	<b>3,478,584,615</b>	<b>7,301,698,653</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		3,525,241,651	13,291,525,358	3,409,012,923	7,155,664,680
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		27,503,257	101,439,550	69,571,692	146,033,973
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	1.18	4.46	-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022



NGUYỄN THỊ THÚY NGA  
Người lập



VŨ THỊ THỦY  
Kế toán trưởng



ĐƯƠNG THỊ HUYỀN  
Tổng Giám Đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Theo phương pháp gián tiếp  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020
<b>DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>14,205,217,393</b>	<b>2,601,101,713</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	16,907,058,839	3,299,523,428
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(991,155,481)
- Chi phí lãi vay	06	8,532,419,795	5,898,047,884
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>39,644,696,027</b>	<b>10,807,517,544</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(40,032,821,908)	22,219,462,306
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	121,686,702,071	1,085,685,389
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(33,101,053,415)	17,309,938,030
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	881,510,867	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8,532,419,795)	(5,897,923,763)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,422,000,000)	(92,878,219)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(87,213,865)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>39,479,917,820</b>	<b>45,344,587,422</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(273,784,501,926)	(72,912,978,076)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	363,636,364	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(120,528,036,300)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	183,603,135,884	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15,720,512,747)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17,922,086,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,252,021,000	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(204,892,171,725)</b>	<b>(72,912,978,076)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
2. Tiền thu từ đi vay	33	475,589,746,349	320,995,185,919
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(328,683,594,844)	(289,981,095,191)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>146,906,151,505</b>	<b>31,014,090,728</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ</b>	<b>50</b>	<b>(18,506,102,400)</b>	<b>3,445,700,074</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35,233,178,837	9,571,296,647
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>16,727,076,437</b>	<b>13,016,996,721</b>



*(Signature)*

NGUYỄN THỊ THÚY NGA  
Người lập

*(Signature)*

VŨ THỊ THUỶ  
Kế toán trưởng

*(Signature)*

Đương Thị Huyền  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 08 ngày 14/06/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 80 người (*tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là tại thời điểm 31/12/2020 là 58 người*).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện); Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời); Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác; Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân); Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình điện; Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ); Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích); Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: xây dựng các dự án năng lượng, xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh thương mại nông sản (cao su, điều...), Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng (sắt thép, tôn...), Cung cấp điện năng lượng mặt trời; Cho thuê nhà...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty có 01 công ty con: Công ty cổ phần Công nghệ CRC và 02 công ty liên kết; Công ty cổ phần Công nghệ CRC có 13 công ty con: Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam, Công ty cổ phần CRC Power và Công ty cổ phần CRC Invest, Công ty cổ phần Xây Dựng Hạ Tầng Năng Lượng Xanh, Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp, Công ty cổ phần Xây lắp điện Lâm Đồng, Công ty cổ phần Jinca Việt Nam, Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam, Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện Mặt Trời, Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc, Công ty cổ phần Resun Việt Nam, Công ty cổ phần Năng Lượng Xanh Kosun, Công ty cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh cụ thể như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con</b>					
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,99%	97,99%	97,99%
Công ty cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	97,99%	97,99%	97,99%
Công ty cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	97,99%	97,99%	97,99%
CTCP Xây dựng Hạ tầng Năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	95,99%	95,99%	95,99%
CTCP Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	94,99%	94,99%	94,99%
CTCP Xây lắp Điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	96,99%	96,99%	96,99%
CTCP Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,94%	96,94%	96,94%
CTCP Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,19%	93,19%	93,19%
CTCP Cung cấp Năng lượng	Hà Nội	Năng lượng	97,99%	97,99%	97,99%
CTCP Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	97,99%	97,99%	97,99%
CTCP Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,99%	96,99%	96,99%
CTCP Năng lượng Xanh Kosun	Kon Tum	Năng lượng	96,89%	96,89%	96,89%
CTCP Điện Nhật Nguyên Xanh	Kon Tum	Năng lượng	94,99%	94,99%	94,99%
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc (*)	Vĩnh Phúc	Gạch ngói	49%	49%	49%
Công ty TNHH Trường Sơn	Hà Nội	Gạch ngói	45%	45%	45%

(\*): Từ ngày 27/05/2021 Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc trở thành công ty liên kết của Công ty theo Nghị quyết số 320/2021/CRC/NQ-HĐQT ngày 13/05/2021 của Hội đồng quản trị.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.****2.1 Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

*Các công ty con* được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

*Công ty liên kết* là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Kế toán trên máy vi tính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2021.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

**Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:**

- + *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*  
Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Hàng hoá, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả.
- + *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*  
Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

- + *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

**Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối năm:**

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua/bán ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm 31/12/2021.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả trái phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *Các khoản đầu tư khác*

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên.

*Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền.

*Phương pháp xác định giá gốc của Mủ cao su:* Đích danh.

*Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc thiết bị	08 - 20 năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Phương tiện vận tải

06 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản dở dang dài hạn tại ngày 31/12/2021 của Công ty bao gồm Chi phí xây dựng dự án Phú Thọ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí thuê vận hành đường điện, có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 12 tháng. Chi phí cước viễn thông phân bổ từ 7 đến 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí sửa chữa goòng, Chi phí chạy thử nhà ù đất được phân bổ trong 36 tháng. Chi phí san lấp mặt bằng phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 421 tháng.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí lãi vay phải trả, chi phí xây dựng nhà gián.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Doanh thu các công trình xây lắp

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi đầu tư trái phiếu và chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí giao hàng, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển và các chi phí khác phục vụ cho quá trình bán hàng.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (*điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...*); chi phí bằng tiền khác (*tiếp khách, hội nghị khách hàng...*).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành (20%).

Các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo được hưởng ưu đãi theo khoản 1 điều 15 và khoản 1, 2 điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Theo đó các công ty con được miễn thuế TNDN 4 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

**Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ; Giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng; và giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Việc hoàn nhập các chênh lệch tạm thời được khấu trừ dẫn đến sự giảm trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty sẽ chỉ được hưởng lợi ích kinh tế dưới hình thức giảm trừ các khoản nộp thuế nếu có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể bù trừ với phần giảm trừ đó. Do vậy, Công ty chỉ ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Việc có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ được coi là chắc chắn khi có đủ các chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến cùng một cơ quan quản lý thuế của Công ty.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Các loại thuế khác** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

##### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, Sản xuất gạch, dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2021

Mẫu B 09 - DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền mặt tại quỹ	7,023,558,609	2,179,674,596
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9,703,517,828	30,728,404,657
Các khoản tương đương tiền	-	2,325,099,584
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>16,727,076,437</u></b>	<b><u>35,233,178,837</u></b>

**(i) Số dư tiền tương đương tiền bao gồm:**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền gửi đúng tên công ty	20,000,000,000	2,325,099,584
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch (*)	-	2,325,099,584
+ Ngân hàng NN & PT NNVN - Chi nhánh Hồng Hà (**)	20,000,000,000	-
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Mỹ Đình (***)	100,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>20,100,000,000</u></b>	<b><u>2,325,099,584</u></b>

(\*) Hợp đồng tiền gửi ngày 25/09/2020 với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 3,3%/năm.

(\*\*) Hợp đồng tiền gửi ngày 20/12/2021 với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 3,0%/năm

(\*\*\*) Hợp đồng tiền gửi ngày 26/11/2021 với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 1,7%/năm

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền gửi của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty (i)		
Bà Dương Thị Huyền (ii)	-	14,400,000,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung (ii)	-	17,600,000,000
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga (ii)	-	34,500,000,000
Ông Nguyễn Viết Giáp	-	3,000,000,000
Bà Phạm Thị Huế	-	11,250,000,000
Ông Lê Quang Thạch	-	-
Tiền gửi đúng tên công ty	-	-
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam	20,000,000,000	-
Công ty cổ phần Công Nghệ CRC	100,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>20,100,000,000</u></b>	<b><u>80,750,000,000</u></b>

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2903/NQ/HĐQT/2020 ngày 29/03/2020 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiết kiệm này để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

(ii) Khoản ủy thác cho các cá nhân đang được thế chấp cho các hợp đồng L/C.

**Trong đó khoản phải tiền gửi ủy thác với các bên có liên quan**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
<b><u>Khoản tiền gửi ủy thác với các bên có liên quan</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>25,650,000,000</u></b>

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2021

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**2 Các khoản đầu tư tài chính**

**2.2 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			33,933,243,217	-	18,212,730,470	-
+ Công ty cổ phần Khách ngoại Vinh Phúc (ii)	49%	49%	15,578,814,207	-	-	-
+ Công ty TNHH Trường Sơn	45%	45%	18,354,429,010	-	18,212,730,470	-
Đầu tư vào đơn vị khác			-	-	6,625,000,000	-
+ Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch (iii)	0.00%	0.00%	-	-	6,625,000,000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			6,790,000,000	-	6,790,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>40,723,243,217</b>	<b>-</b>	<b>31,627,730,470</b>	<b>-</b>

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ  
Kỳ này

+ Công ty cổ phần Khách ngoại Vinh Phúc

Trong năm 2021 đơn vị lãi

+ Công ty TNHH Trường Sơn

Trong năm 2021 đơn vị lãi

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii): Trong năm, Công ty giám vốn tại Công ty cổ phần Khách ngoại Vinh Phúc theo Nghị quyết 320/2021/CRC/NQ-HĐQT ngày 13/05/2021 của Hội đồng quản trị.

(iii): Trong năm, Công ty giám vốn tại Công ty TNHH Gốm Xây Dựng Yên Thạch

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số VIII.1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2021

Mẫu B 09 - DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**2.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2021		01/01/2021	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Gốm sứ	0.00%	-	17.43%	6,625,000,000
<b>Tổng cộng</b>			-		<b>6,625,000,000</b>
<b>2.2.3 <u>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</u></b>					
			<b>31/12/2021</b>		<b>01/01/2021</b>
	Trái phiếu Ngân hàng NN & PTNNVN (*)		500,000,000		500,000,000
	Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)		290,000,000		290,000,000
	Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (***)		6,000,000,000		6,000,000,000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>6,790,000,000</b>		<b>6,790,000,000</b>

(\*) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi

(\*\*) Số lượng 29 trái phiếu với giá mua 290.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi

(\*\*\*) Số lượng 60.000 trái phiếu với giá mua 6.000.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 30/07/2020 đến 30/07/2030), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

Các trái phiếu này đang được thế chấp cho các khoản vay tại chính ngân hàng phát hành

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng****Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	-	3,954,537,114
Công ty cổ phần công nghệ EMP		34,227,665,553
Công ty TNHH Thảo Nguyên Xanh Kon Tum	-	3,778,303,500
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	-	4,121,243,813
Công ty TNHH Việt Hương	-	3,063,967,444
BELTAMAZHILIYA LTD	902,052,568	
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	793,630,000	
Công ty Điện Lực Kontum	244,489,747	
Các khách hàng khác	<u>621,975,071</u>	<u>8,515,942,732</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2,562,147,386</u></b>	<b><u>57,661,660,156</u></b>

*Trong đó khoản phải thu với các bên có liên quan*

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
<b><u>Khoản phải thu với các bên có liên quan</u></b>	-	-

*Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.*

**4. Phải thu về cho vay****4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát (i)		250,000,000
Ông Trần Văn Cảnh (ii)		1,000,000,000
Trương Thị Vĩnh		-
Nguyễn Thị Huyền (iii)		<u>1,810,000,000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3,060,000,000</u></b>

- (i) Theo thỏa thuận ngày 26/11/2020, Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng lượng môi trường Đại Phát hoàn trả toàn bộ gốc vay trong năm 2021.
- (ii) Khoản cho vay theo Hợp đồng vay 0107-2020-PLHĐV ngày 01/07/2020 với lãi suất 11%/năm và kỳ hạn cho vay 10 tháng từ ngày 30/06/2020 đến ngày 30/04/2021. Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc
- (iii) Hợp đồng vay số 0108-2020-PLHĐV ngày 01/07/2020, với lãi suất 11%/năm và kỳ hạn cho vay 10 tháng từ ngày 30/06/2020 đến ngày 30/04/2021. Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**5. Trả trước cho người bán**

*Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH SX TM Thành Nam Bp	11,729,771,406	-
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	6,211,839,581	33,642,966,200
Công ty TNHH BG Solar	-	
Công ty CP TM dịch vụ Nhật Minh Xanh	3,654,432,000	
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Kiến trúc Ý tưởng	-	2,000,000,000
Công ty cổ phần công nghệ EMP	38,113,558,750	2,960,000,000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	7,646,627,391	-
JA Solar International Limited	1,521,058,746	-
Các nhà cung cấp còn lại	22,799,872,291	13,776,714,980
<b>Tổng cộng</b>	<b>91,677,160,165</b>	<b>52,379,681,180</b>

*Trong đó khoản trả trước cho người bán với các bên có liên quan*

*Khoản trả trước cho người bán với các bên có liên quan*

31/12/2021	01/01/2021
-	4,100,000,000

*Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.*

**6. Nợ xấu**

**7. Các khoản phải thu khác**

**7.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Tạm ứng</i>	<b>3,450,000,000</b>	<b>2,920,915,632</b>
Ông Đỗ Văn Quyết		1,000,000,000
Bà Nguyễn Thị Huế		1,000,000,000
Hồ Công trú		
Các đối tượng khác	3,450,000,000	920,915,632
<i>Phải thu khác</i>	<b>4,727,642,466</b>	<b>852,595,932</b>
Phải thu lãi tiền gửi, tiền ủy thác	302,642,466	822,535,932
Bán cổ phần Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	-	-
Bán cổ phần Công ty TNHH Gốm Xây Dựng Yên Thạch	4,425,000,000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	30,060,000
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	-	<b>10,369,886,485</b>
Ký quỹ - Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà		941,000,000
Ký quỹ - Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch		9,428,886,485
<b>Tổng cộng</b>	<b>8,177,642,466</b>	<b>14,143,398,049</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****7. Các khoản phải thu khác (Tiếp theo)****7.2. Phải thu khác dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Bà Triệu Thị Sa (ii)	9,090,000,000	4,000,000,000
Ông Nguyễn Mạnh Hà (iv)	13,000,000,000	2,000,000,000
Phạm Văn Lộc	3,000,000,000	
Nguyễn Công Nam	1,600,000,000	
Mai Anh Đức (iii)	11,000,000,000	
Ban Quản Lý KCN Lâm Đồng	450,000,000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>38,140,000,000</b>	<b>6,000,000,000</b>

- Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCINVEST ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm và hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCTECH ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm, hợp đồng thuê đất số (ii) 01/2021/HĐTĐ/POWER ngày 10/06/2021 thời hạn 25 năm
- (iii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 02/2020/HĐTĐ/LAMHA2 ngày 18/09/2020 thời hạn 25 năm.
- (iv) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 03/2020/HĐTĐ/DATEH ngày 24/08/2020 thời hạn 25 năm.

**8. Chi phí trả trước****8.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
- Công cụ dụng cụ	53,544,590	16,586,364
- Bảo hiểm tài sản		71,057,801
- Chi phí khác		6,159,773
<b>Tổng cộng</b>	<b>53,544,590</b>	<b>93,803,938</b>

**8.2. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
- Công cụ dụng cụ	49,063,296	-
- Chi phí san lấp mặt bằng		414,415,329
- Nhà ủ đất chạy thử		401,113,513
- Chi phí sửa chữa Gòong		74,785,973
- Chi phí khác		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>49,063,296</b>	<b>890,314,815</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**9. Hàng tồn kho**

		31/12/2021		01/01/2021	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	(*)	189,368,263	-	13,258,054,728	-
Công cụ dụng cụ			-	2,364,091	-
Chi phí SXKD dở dang		17,319,196,659	-	106,816,405,682	-
+ Dự án Dầu Tiếng			-	57,865,810,763	
+ Dự án Bảo Lộc		1,443,430,728	-	22,508,814,574	
+ Dự án Bình Định			-	22,651,074,141	
+ Dự án Solar cell		13,329,916,032			
+ Dự án khác		345,406,947	-	589,934,154	
+ Sản phẩm dở dang		2,200,442,952		3,200,772,050	
Thành phẩm	(*)		-	14,405,780,708	-
Hàng hoá	(*)	71,947,431,214	-	76,660,092,998	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>89,455,996,136</b>	<b>-</b>	<b>211,142,698,207</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Loại hàng gửi</u>	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Công ty TNHH Giấy An Lộc	Mủ cao su, cao su thành phẩm	-	-
Ông Nguyễn Văn Đăng	Mủ cao su, cao su thành phẩm	19,606,750,083	40,584,292,541
Công ty CP sản xuất XNK Thành Nam	Nhân điều		19,795,108,858
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	Nhân điều	29,612,259,951	3,243,240,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2021

Mẫu B 09 - DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2021	27,507,073,760	18,741,578,741	1,725,646,728	-	-	47,974,299,229
Mua trong năm	-	-	1,278,880,000	-	-	1,278,880,000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	279,497,123,507	-	-	-	279,497,123,507
Tăng khác	-	14,681,719,836	-	-	-	14,681,719,836
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(607,705,455)	-	-	(607,705,455)
Giảm khác (i)	(27,507,073,760)	(18,447,942,377)	-	-	-	(45,955,016,137)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>294,472,479,707</b>	<b>2,396,821,273</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>296,869,300,980</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2021	5,889,265,411	6,780,137,250	816,992,173	-	-	13,486,394,834
Khấu hao trong năm	-	15,504,075,005	443,629,676	-	-	15,947,704,681
Tăng khác	-	609,938,415	-	-	-	609,938,415
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(567,191,789)	-	-	(567,191,789)
Giảm khác	(5,889,265,411)	(6,680,521,891)	-	-	-	(12,569,787,302)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>16,213,628,779</b>	<b>693,430,060</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16,907,058,839</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2021	21,617,808,349	11,961,441,491	908,654,555	-	-	34,487,904,395
Tại ngày 31/12/2021	-	278,258,850,928	1,703,391,213	-	-	279,962,242,141

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đồng (ngày 31/12/2021 là 168.572.209 đồng)

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay là 207.797.417.474 đồng (ngày 31/12/2020 là 23.025.969.712 đồng)

(i) Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của công ty con đã thanh lý trong kỳ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**12. Tài sản dở dang dài hạn**

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
- Dự án Điện mặt trời Nhà ăn KonTum		15,706,561,646
- Dự án Điện mặt trời Đà Tè		16,889,840,354
- Dự án Điện mặt trời Lâm Hà 1 - Invest		11,576,913,968
- Dự án điện mặt trời Lâm Hà 1 - Power		12,587,228,680
- Dự án điện mặt trời Lâm Hà 2 - Power		11,409,169,659
- Dự án điện mặt trời Lâm Hà 2 - Canadian		16,121,267,056
- Tài sản dở dang khác	16,314,193,504	522,418,022
<b>Tổng cộng</b>	<b>16,314,193,504</b>	<b>84,813,399,385</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ giao dịch nội bộ Công ty. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
Số đầu kỳ	38,931,262	38,931,262
Phát sinh trong năm		22,376,484
Hoàn nhập trong năm	(38,931,262)	(22,376,484)
Số cuối năm	-	38,931,262

**14. Phải trả người bán**

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vật liệu Làm nhà PLD	-	-	14,775,930,411	14,775,930,411
Công ty JASOLAR INTERNATIONAL LIMITED	-	-	117,528,600,838	117,528,600,838
Công ty JINKOSOLAR CO, LTD	-	-	40,789,599,365	40,789,599,365
Công ty ZNSHINE SOLAR	-	-	45,740,139,448	45,740,139,448
Công ty TNHH BG Solar	948,494,989	948,494,989		
Công ty cổ phần công nghệ EMP	1,119,535,122	1,119,535,122		
Công ty TNHH Công Trình Cơ Điện Aairsun Việt Nam	2,681,214,056	2,681,214,056		
Phải trả cho các đối tượng khác	9,089,436,568	9,089,436,568	49,590,735,965	49,590,735,965
<b>Tổng cộng</b>	<b>13,838,680,735</b>	<b>13,838,680,735</b>	<b>268,425,006,027</b>	<b>268,425,006,027</b>

*Trong đó khoản phải trả nhà cung cấp với các bên có liên quan*

	31/12/2021	01/01/2021
<u>Khoản phải trả nhà cung cấp với các bên có liên quan</u>	-	209,620,400

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	-	-	32,132,591,182	32,132,591,182
Công ty TNHH XNK TMDV Bắc Nam	-	-	11,267,070,255	11,267,070,255
Công ty cổ phần công nghệ EMP	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai	639,010,000	639,010,000	7,850,000,000	7,850,000,000
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	4,112,366,688	4,112,366,688	-	-
Công ty TNHH MTV Hà My	-	-	8,250,000,000	8,250,000,000
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	-	-	6,630,000,000	6,630,000,000
Công ty cổ phần công nghệ và Xử Lý Môi Trường Toàn Mỹ	5,763,399,040	5,763,399,040	-	-
Công ty TNHH TMDV VLXD Thành Đạt	694,127,000	694,127,000	-	-
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	-	-	413,923,528	413,923,528
Công ty cổ phần thương mại Mai Sơn Lâm	7,600,000,000	7,600,000,000	-	-
Các đối tượng khác	5,692,066,505	5,692,066,505	7,261,357,809	7,261,357,809
<b>Tổng cộng</b>	<b>24,500,969,233</b>	<b>24,500,969,233</b>	<b>73,804,942,774</b>	<b>73,804,942,774</b>

*Trong đó khoản người mua trả tiền trước với các bên có liên quan*

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Khoản người mua trả tiền trước với các bên có liên quan</i>	-	35,313,102,928

*Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.*

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	793,859,930	9,268,554,018	10,062,413,948	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,603,161,170	812,252,485	1,603,161,170	812,252,485
Thuế thu nhập cá nhân	457,537,500	-	-	457,537,500
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	215,510,400	-	215,510,400	-
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	2,000,000	11,000,000	13,000,000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	16,788,331	4,709,615	21,497,946	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,088,857,331</b>	<b>10,096,516,118</b>	<b>11,915,583,464</b>	<b>1,269,789,985</b>

**17. Chi phí phải trả**

	31/12/2021	01/01/2021
- Chi phí dịch vụ nhập khẩu	-	19,500,000
- Chi phí xây dựng nhà giàn dự án điện	-	-
- Chi phí lãi vay	5,410,958	140,058,255
<b>Tổng cộng</b>	<b>5,410,958</b>	<b>159,558,255</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****18. Phải trả khác****Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Kinh phí công đoàn	-	-	7,404,845	7,404,845
- Bảo hiểm xã hội	-	-	29,605,246	29,605,246
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,333,130,443	2,333,130,443	355,179,943	355,179,943
+ Công ty CP Sản xuất cung ứng <i>Vật liệu Xây dựng Kontum</i>			255,590,677	255,590,677
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả	717,630,443	717,630,443		
+ Nhận ký quỹ Công ty TNHH <i>XNK ITALIA Lưu Kim</i>	33,000,000	33,000,000	33,000,000	33,000,000
+ Phải trả khác	1,582,500,000	1,582,500,000	66,589,266	66,589,266
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,333,130,443</b>	<b>2,333,130,443</b>	<b>392,190,034</b>	<b>392,190,034</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****19. Vay và nợ thuê tài chính****19.1 Các khoản vay ngắn hạn**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>83,630,792,806</b>	<b>83,630,792,806</b>	<b>352,390,066,870</b>	<b>293,132,694,708</b>	<b>30,822,816,813</b>	<b>30,822,816,813</b>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	49,261,252,276	49,261,252,276	174,838,211,166	141,363,668,865	15,786,709,975	15,786,709,975
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà	34,369,540,530	34,369,540,530	132,276,383,852	105,990,706,682	8,083,863,360	8,083,863,360
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	-	45,275,471,852	45,778,319,161	502,847,309	502,847,309
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	-	-	-	-	4,329,396,169	4,329,396,169
+ Bà Nguyễn Thị Thủy Nga	-	-	-	-	820,000,000	820,000,000
+ Bà Vũ Thị Phương	-	-	-	-	1,300,000,000	1,300,000,000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>8,215,227,895</b>	<b>8,215,227,895</b>	<b>14,416,409,882</b>	<b>16,339,990,254</b>	<b>10,138,808,267</b>	<b>10,138,808,267</b>
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng	44,000,004	44,000,004	44,000,004	44,000,004	44,000,004	44,000,004
+ Ngân hàng Shinhanbank	165,247,170	165,247,170	282,102,809	116,855,639	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	-	-	-	1,353,856,000	1,353,856,000	1,353,856,000
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	1,440,000,000	1,440,000,000	1,080,000,000	960,000,000	1,320,000,000	1,320,000,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	3,416,814,513	3,416,814,513	3,425,000,000	3,053,185,487	3,045,000,000	3,045,000,000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội	3,149,166,208	3,149,166,208	9,585,307,069	10,812,093,124	4,375,952,263	4,375,952,263
<b>Tổng cộng</b>	<b>91,846,020,701</b>	<b>91,846,020,701</b>	<b>366,806,476,752</b>	<b>309,472,684,962</b>	<b>40,961,625,080</b>	<b>40,961,625,080</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**19.2 Các khoản vay dài hạn

	31/12/2021		Phát sinh trong năm			01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>149,214,225,203</b>	<b>149,214,225,203</b>	<b>108,562,996,774</b>	<b>19,210,909,882</b>	<b>59,862,138,311</b>	<b>59,862,138,311</b>	
+ Ngân hàng Shinhanbank	557,897,191	557,897,191	840,000,000	282,102,809	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Phạm Hùng	205,333,324	205,333,324		44,000,004	249,333,328	249,333,328	
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	39,305,500,000	39,305,500,000	36,500,000,000	5,874,500,000	8,680,000,000	8,680,000,000	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	20,129,999,188	20,129,999,188	-	3,425,000,000	23,554,999,188	23,554,999,188	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Hà Nội	89,015,495,500	89,015,495,500	71,222,996,774	9,585,307,069	27,377,805,795	27,377,805,795	
<b>Tổng cộng</b>	<b>149,214,225,203</b>	<b>149,214,225,203</b>	<b>108,562,996,774</b>	<b>19,210,909,882</b>	<b>59,862,138,311</b>	<b>59,862,138,311</b>	

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2021

Mẫu B 09 - DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**20. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>150,000,000,000</b>	<b>10,645,604,925</b>	-	<b>12,266,487,503</b>	<b>604,223,947</b>	<b>173,516,316,375</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	550,000,000	550,000,000
Lãi trong năm trước	-	-	1,067,753,431	4,900,407,603	(750,002)	5,967,411,032
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(1,067,753,431)	(158,102,483)	-	(1,225,855,914)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	<b>150,000,000,000</b>	<b>10,645,604,925</b>	-	<b>17,008,792,623</b>	<b>1,153,473,945</b>	<b>178,807,871,493</b>
Tăng vốn trong năm	150,000,000,000	-	-	-	-	150,000,000,000
Lãi trong năm	-	-	-	3,249,009,941	2,161,157,217	5,410,167,158
Tăng khác	-	-	-	20,490,371,347	-	20,490,371,347
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(7,500,000,000)	-	(7,500,000,000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	601,679,353	-	601,679,353
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>10,645,604,925</b>	-	<b>33,849,853,264</b>	<b>3,314,631,162</b>	<b>347,810,089,351</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021			01/01/2021		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Ông Mai Anh Tám	20,000,000,000	20,000,000,000	-	15,000,000,000	15,000,000,000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	280,000,000,000	280,000,000,000	-	135,000,000,000	135,000,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>150,000,000,000</b>	<b>150,000,000,000</b>	<b>-</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	150,000,000,000	150,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	150,000,000,000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	300,000,000,000	150,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ tức:

	Kỳ này	Năm trước
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	500 đồng/ cổ phiếu	

Cổ phiếu:

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30,000,000	15,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30,000,000	15,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	15,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30,000,000	15,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	15,000,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10,645,604,925	10,645,604,925

**5.19. Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
Dollar Mỹ (USD)	95,167.65	1,738.86

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV Năm 2021	Quý IV Năm 2020
<b>Tổng cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>47,052,573,266</b>	<b>348,957,686,902</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	7,541,258,846	261,917,019,854
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	32,105,300,909	85,930,837,896
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7,406,013,511	1,109,829,152
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>47,052,573,266</b>	<b>348,957,686,902</b>
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>7,541,258,846</i>	<i>261,917,019,854</i>
<i>Doanh thu thuần xây dựng, lắp đặt</i>	<i>32,105,300,909</i>	<i>85,930,837,896</i>
<i>Doanh thu thuần dịch vụ</i>	<i>7,406,013,511</i>	<i>1,109,829,152</i>

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Quý IV Năm 2021	Quý IV Năm 2020
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	7,507,731,344	258,569,056,601
Giá vốn hợp đồng xây dựng, lắp đặt	29,696,309,047	80,518,872,521
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2,620,895,046	708,981,355
<b>Tổng cộng</b>	<b>39,824,935,437</b>	<b>339,796,910,477</b>

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý IV Năm 2021	Quý IV Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền vay	243,592,988	11,230,902
Lãi chênh lệch tỷ giá	34,937,440	79,800
Cổ tức nhận được	-	-
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	-
Doanh thu tài chính khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>278,530,428</b>	<b>11,310,702</b>

**25. Chi phí tài chính**

	Quý IV Năm 2021	Quý IV Năm 2020
Lãi tiền vay	2,207,223,963	637,755,273
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21,734,849	3,000,132
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,228,958,812</b>	<b>640,755,405</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý IV Năm 2021</u>	<u>Quý IV Năm 2020</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí cho nhân viên	235,375,988	424,751,528
- Chi phí công cụ quản lý	15,447,322	40,258,454
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	114,028,545	140,865,339
- Thuế, phí và lệ phí	54,434,424	1,500,000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	657,899,570	748,606,335
- Chi phí bằng tiền khác	97,497,655	691,973,824
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1,174,683,504</u></b>	<b><u>2,047,955,480</u></b>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	349,529,400	2,299,304,583
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>349,529,400</u></b>	<b><u>2,299,304,583</u></b>

**27 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành****27.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Quý IV Năm 2021</u>	<u>Quý IV Năm 2020</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	200,604,810	869,646,154
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay		
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>200,604,810</u></b>	<b><u>869,646,154</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2021

Mẫu B 09 - DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên có liên quan****Các bên liên quan:**

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm 2021, công ty liên kết, các cá nhân, công ty liên quan đến các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết tại Công ty được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

31/12/2021 31/12/2020

Các bên được nhận biết là các bên có liên quan với Công ty trong năm tài chính 2021 gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết đến ngày 24/11/2020
Công ty TNHH Sunpower Group Việt Nam	Công ty liên kết đến ngày 25/12/2020
Công ty CP Hãng sơn Đông Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Phụ gia Bê tông Phà Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Khoáng sản và xây dựng Hà Nội	BLQ của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Goldstar Việt Nam	BLQ của thành viên HĐQT
Công ty CP Cao su Hiệp Hưng	BLQ của thành viên HĐQT
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	BLQ của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>31/12/2021</u>	<u>31/12/2020</u>
<b>Tiền gửi ủy thác</b>				
Bà Dương Thị Huyền	Tổng giám đốc	Nhận ủy thác		14,400,000,000
		Lãi dự thu tiền gửi ủy thác		51,198,773
		Tất toán tiền gửi ủy thác	14,400,000,000	-
		Lãi tiền gửi	66,954,585	-
		Thu lãi tiền gửi	107,029,658	-
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	Nhận ủy thác	1,000,000,000	11,250,000,000
		Lãi dự thu tiền gửi ủy thác	-	40,843,836
		Tất toán tiền gửi ủy thác	12,250,000,000	-



		Lãi tiền gửi	147,205,479	-
		Thu lãi tiền gửi	188,049,315	-
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc Công ty con	Nhận ủy thác	5,000,000,000	
		Tất toán tiền gửi ủy thác	5,000,000,000	
		Lãi tiền gửi	79,910,441	
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
Công ty CP Điện Nhân Nguyên Xanh	của Tổng Giám Đốc	Tạm ứng theo hợp đồng	-	1,300,000,000
		Trả lại tiền tạm ứng	-	1,300,000,000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	của Tổng Giám đốc	Doanh thu bán pin		7,792,154,000
		Chuyển tiền hàng		36,984,930,200
		Doanh thu gạch	6,739,200	
		Thu tiền hàng	6,739,200	
		Bù trừ công nợ	23,832,911,078	
		Trả lại tiền ứng trước	8,299,680,104	
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch	Doanh thu xây lắp	-	10,835,524,066
		Bù trừ công nợ	14,000,000,000	150,500,000
		Thu tiền hàng	27,231,308,780	13,150,000,000
		Trả lại tiền ứng trước	13,797,423,528	360,000,000
		Tiền ứng trước	27,312,203,100	
		Doanh thu điện	524,179,800	
<b>Phải trả người bán</b>				
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	của Tổng Giám đốc	Mua hàng	10,336,717,000	17,065,124,967
		Trả tiền hàng	35,203,299,778	18,418,057,082
		Bù trừ công nợ	23,832,911,078	353,580,382
Công ty CP CRC Solar Cell	của Chủ tịch HĐQT	Thanh toán tiền hàng	-	347,000,000
		Bù trừ công nợ	-	1,783,500,000
		Tạm ứng tiền hàng	1,000,000,000	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Thanh toán tiền hàng	-	4,580,184,112
Ông Mai Anh Đức	cận của CT.HĐQT	Thuê đất	-	1,982,611
Công ty CP Phụ gia bê tông Phà Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mua hàng hóa	-	190,564,000
Công ty cổ phần cao su Hiệp Hưng	BQL của Tổng Giám đốc	Thu lại tiền ứng trước	-	1,349,377,963
<b>Các khoản phải thu, phải trả khác</b>				
Công ty CP Phụ gia bê tông Phà Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Chi tiền cho mượn		275,000,000
		Thu hồi tiền cho mượn		275,000,000
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	Thuê đất	11,000,000,000	-

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2020</u>
-----------------------------	--------------------	-------------------	-------------------

<b>I. Phải thu khách hàng</b>		<b>298,296,900</b>	<b>3,365,450,000</b>
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	298,296,900	-
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP		-	3,365,450,000
<b>II. Tiền gửi ủy thác</b>			<b>25,650,000,000</b>
Bà Phạm Thị Huế	Trường BKS	-	11,250,000,000
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám Đốc	-	14,400,000,000
<b>III. Người mua trả tiền trước</b>			<b>- 35,313,102,928</b>
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	-	413,923,528
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc	-	34,899,179,400
<b>IV. Phải thu khác</b>			<b>92,042,609</b>
Bà Phạm Thị Huế		-	40,843,836
Bà Dương Thị Huyền		-	51,198,773
<b>V. Phải trả người bán</b>			<b>211,603,011</b>
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	-	-
Công ty cổ phần Phụ Gia Bê Tông Phà Lại	Có cùng chủ tịch HĐQT	-	209,620,400
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	-	1,982,611
<b>IV. Trả trước cho người bán</b>			<b>- -</b>
Công ty cổ phần Cao su Hiệp Hưng	BLQ của Tổng Giám đốc	-	-
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	1,000,000,000	-

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Lãi suất cho vay, giá dịch vụ, hàng hoá của các bên liên quan cung cấp là giá thoả thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

**3. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2020.

**NGUYỄN THỊ THÚY NGA**  
Người lập

**VŨ THỊ THỦY**  
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022

**Dương Thị Huyền**  
Tổng Giám đốc

C.P. K